TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-7-2025.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hồng Điệp;

2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng); số Căn cước công dân: 094180004358, cấp ngày 06/8/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Thạch N, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng); số Chứng minh nhân dân: 365484434, cấp ngày 19/9/2016; nơi cấp: Công an tỉnh S (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày:

Nguyên vào năm 2008, bà Thạch Thị H và ông Thạch N tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 29/10/2008. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2015 thì sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người

con chung là Thạch D, sinh ngày 15/4/2002 và Thạch Tuấn Đ, sinh ngày 30/12/2008 hiện đang sống chung với bà H. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 11/7/2025, bà Thạch Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Thạch N; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thạch Tuấn Đ, sinh ngày 30/12/2008 đến khi thành niên, không yêu cầu ông Thạch N cấp dưỡng nuôi con chung; đối với Thạch D, sinh ngày 15/4/2002 hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Thạch N:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Thạch N, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Thạch N để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Thạch N để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị H.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Thạch Tuấn Đ, sinh ngày 30/12/2008 cho bà Thạch Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Thạch N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H chưa có yêu cầu. Đối với Thạch D, sinh ngày 15/4/2002 đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, bà H không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị H xác định trong thời gian chung sống bà và ông Thạch N không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thạch Thị H xác định trong thời gian chung sống bà và ông Thạch N không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Thạch N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Thạch N nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Thạch N để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Thạch N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị H xác định bà và ông Thạch N chung sống như vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 29/10/2008. Hôn nhân của bà H và ông N tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị H và ông Thạch N là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N với lý do trong quá trình chung sống được một thời gian thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Từ khi bà H chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Thạch N, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông N biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông N.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thạch Thị H xác định trong thời gian chung sống bà H và ông Thạch N có 02 người con chung là Thạch D, sinh ngày 15/4/2002 và Thạch Tuấn Đ, sinh ngày 30/12/2008, hiện nay các cháu đều đang sống chung với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H xác định từ khi bà H và ông N sống ly thân thì bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu Đ, hiện nay cháu Đ vẫn đang chung sống với bà nên bà xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu ông Thạch N cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu D đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên bà không có yêu cầu gì. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà H và ông Thạch N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu Đ chung sống với bà H, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời quá trình giải quyết

vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Đ thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị H không có yêu cầu ông N về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với Thạch D, sinh ngày 15/4/2002 hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng bà H không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Thạch N mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị H xác định bà và ông Thạch N không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị H xác định bà và ông Thạch N không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Bà Thạch Thị H phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Thạch N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị H được ly hôn với ông Thạch N.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu Thạch Tuấn Đ, sinh ngày 30/12/2008 cho bà Thạch Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; ông Thạch N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn ông Thạch N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009370 ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Nay là

Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Thành phố Cần Thơ). Như vậy, bà H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thạch N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Khánh;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Tp Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND Thành phố Cần Thơ (P.TTr, KT& THA);
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo